

Bản án số: 755/2023/DS-PT

Ngày 30-10-2023

V/v “Tranh chấp đòi lại tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khương;

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn An và bà Nguyễn Thị Thúy Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Trần Ngọc Đảm – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 432/2023/TLPT-DS ngày 31 tháng 7 năm 2023 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2687/2023/QĐ-PT ngày 09 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lin Ming T, sinh năm 1948.

Địa chỉ: Số A đoạn B, đường L, 6 Phúc Sơn L, khu T, thành phố T, Đài Loan (Trung Quốc). (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Hoàng A, sinh năm 1976.

Địa chỉ: số A - KDC A, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Đàm Thị Thu P – Đoàn Luật sư tỉnh Đ.

Cùng địa chỉ: số A - KDC A, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

Bị đơn: Bà Vòng Bích N, sinh năm 1994.

Địa chỉ thường trú: Số A đường số F, ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Lầu 1, số C, ngách G, ngõ I, phố H, khu T, Tp ., Đài Loan (Trung Quốc). (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Anh D, sinh năm 1977.

Địa chỉ: 9 Xa Lộ H, Khu phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ quan liên quan:

1. Ông Trần Anh H.

Địa chỉ: 6/6 K, ấp T, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

2. Ông Lin Wei L. (Vắng mặt)

3. Bà Chen Shui Y. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số A đoạn B, đường L, 6 Phúc Sơn L, khu T, thành phố T, Đài Loan (Trung Quốc).

4. Bà Hoàng Lạc N1, sinh năm 1985.

Địa chỉ thường trú: Số C, A The Estella A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

Người kháng cáo: Bị đơn bà Vòng Bích N2.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Lin Ming T và lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Hoàng A trình bày:*

Năm 2016, ông Lin Ming T đã chuyển cho bà Vòng Bích N2 (là con dâu của ông) số tiền 90.000 USD tương đương 2.000.000.000 VND (hai tỷ đồng) để nhờ bà N2 mua và đứng tên nhà đất ở Việt Nam giúp ông T để ông có nhà ở khi phải về Việt Nam thăm con cháu. Trên cơ sở số tiền ông Lin M Tao chuyển bà N2 đã mua và đứng tên giúp ông nhà đất tại tờ bản đồ số 46 thửa đất số 585 thuộc xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD287700 cấp ngày 09/03/2016. Ông được biết theo quy định của pháp luật Việt Nam thì người nước ngoài không được mua và sở hữu nhà ở riêng lẻ tại Việt Nam nên ông đã đề nghị bà N2 bán toàn bộ nhà đất và hoàn trả lại toàn bộ tiền bán được lại cho ông. Bà N2 đồng ý với ông T là sẽ thực hiện thủ tục chuyển nhượng bán toàn bộ nhà đất và hoàn trả lại toàn bộ tiền bán được cho ông (thể hiện tại thỏa thuận bà N2 ký ngày 25/03/2021).

Giá trị toàn bộ tài sản dự kiến hiện nay khoảng 3.500.000.000 (ba tỷ năm trăm triệu đồng). Tuy nhiên, kể từ thời điểm ký kết thỏa thuận đến nay bà N2 luôn tìm cách trì hoãn, gây khó khăn, từ chối không thực hiện đúng thỏa thuận đã ký ngày 25/03/2021, bà N2 đã thể hiện rõ ý muốn giành tài sản của ông T. Vì vậy, ông Lin Ming T yêu cầu Tòa án buộc bà Vòng Bích N2 hoàn trả lại toàn bộ tài sản cho ông T, số tiền tài sản dự kiến bán được khoảng 3.500.000.000 (ba tỷ năm trăm triệu đồng).

** Bị đơn bà Vòng Bích N2, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà N2 có bà Nguyễn Thị N3 trình bày:*

Bà N2 là con dâu của ông T. Bà N2 xác định ông T có gửi 90.000 USD (đô la Mỹ) cho ông Trần Anh H và số tiền này được dùng để nhận chuyển nhượng căn nhà và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 585 tờ bản đồ số 46 xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Bà là người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và thực hiện việc xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi hoàn tất thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà và ông L1 Wei Lien đăng ký kết hôn.

Năm 2016 sau khi được người thân giới thiệu, các bên thỏa thuận sẽ cho bà N2 một số tài sản để làm quà cưới, sau khi xem xét thì quyết định cho bà N2 căn nhà và đất tại thửa đất số 585 tờ bản đồ số 46 xã S được dùng làm quà cưới, không có việc đứng tên giùm ông Lin Ming T hay việc ông T đầu tư bất động sản ở Việt Nam. Hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do gia đình ông T giữ, bà đã nhiều lần yêu cầu giao trả nhưng gia đình ông T không đồng ý, bà đã báo cáo sự việc này cho cơ quan cảnh sát Đài Loan.

Hiện do ông L có hành vi bạo hành gia đình với bà nên bà đã yêu cầu Tòa án tại Đài Loan giải quyết cho ông bà được ly hôn.

Bà thừa nhận chữ ký và chữ viết tại văn bản thỏa thuận ngày 25/3/2021 là của bà tuy nhiên do bà bị ép buộc phải ký vào văn bản để được gia đình nhà chồng cho phép nhập tịch. Bà giao nộp cho Tòa án văn bản thỏa thuận ngày 31/5/2021 theo đó thể hiện gia đình ông T không có tranh chấp về nhà, quyền sử dụng đất tại Việt Nam mà ép buộc bà ký để trả nợ. Nay bà xác định nhà và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 585 tờ bản đồ số 46 xã S là tài sản riêng của bà và không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn yêu cầu Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu ông Lin M Tao trả lại Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CD 287700 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 09/3/2016 cho bà.

- * Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lin Wei L trình bày:*

Ông là chồng của bà Vòng Bích N2 theo giấy đăng ký kết hôn số 47 cấp ngày 17/5/2016, tại UBND huyện T, tỉnh Đồng Nai. Từ năm 2016, ông và bà Vòng

Bích N phát sinh tình cảm và xác định tiến đến hôn nhân, qua đó cha của ông là ông Lin Ming T mong muốn mua nhà đất ở Việt Nam khi phải về Việt Nam thăm con cháu, nhưng do quy định pháp luật Việt Nam không cho người nước ngoài đứng tên sở hữu nhà và đất ở nên cha ông đã nhờ vợ sắp cưới của ông (khi đó) là bà Vòng Bích N dùng tiền của ông L1 Ming Tao gửi về Việt Nam để đứng tên mua nhà đất và đứng tên giấy tờ nhà đất giùm ông T. Vì vậy, từ ngày 25/02/2016, ông T bắt đầu chuyển tiền cho bà V Bích Ngọc tổng cộng số tiền 90.000 USD tương đương 2.000.000.000 VND (hai tỷ đồng), theo yêu cầu của bà N thì việc chuyển tiền được thực hiện thông qua số tài khoản của ông ngoại bà N là ông Trần Anh H và sau đó ông H đưa lại cho Bà N để mua nhà đất. Trên cơ sở số tiền nhận được từ ông H, ngày 03/03/2016, bà Vòng Bích N2 sử dụng số tiền này để mua nhà đất tại tờ bản đồ số 46 thửa đất số 585 thuộc xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD287700 cấp ngày 09/03/2016 (bà N2 có thông báo cho ông và có giao cho ông giữ bản chính giấy CNQSDĐ để làm tin).

Nay ông T muốn bà Vòng Bích N2 bán toàn bộ nhà đất đã đứng tên giùm để hoàn trả lại tài sản cho ông T nhưng bà N2 không đồng ý, có ý muốn giành lấy tài sản của ông T.

Ông Lin Wei L biết và xác nhận tài sản là số tiền 90.000 USD tương đương 2.000.000.000 VND (hai tỷ đồng) mà bà Vòng Bích N2 sử dụng mua nhà đất tại tờ bản đồ số 46 thửa đất số 585 thuộc xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 287700 cấp ngày 09/03/2016 là tài sản của ông Lin Ming T nhờ bà N2 đứng tên giùm, đây không phải là tài sản của bà N2, không phải là tài sản của ông và cũng không phải là tài sản chung của vợ chồng. Ông đồng ý hoàn trả lại tài sản cho cha ông và không có bất kỳ yêu cầu gì. Ông đề nghị Tòa án yêu cầu bà Vòng Bích N2 hoàn trả lại tài sản cho cha ông là ông Lin Ming T theo quy định pháp luật. Vì đang trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19 và do khoảng cách địa lý ông L1 Wei Lien không thể sắp xếp công việc để về Việt Nam tham gia phiên tòa được, vì vậy kính đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông theo quy định pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà C, SHUI-YIN trình bày:*

Bà xác định số tiền 90.000 USD (chín mươi ngàn đô la Mỹ) là tài sản riêng của ông Lin Ming T, ông T được toàn quyền quyết định đối với tài sản đó, bà không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án không đưa bà vào tham gia tố tụng.

** Tại bản trình bày ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Anh H trình bày:*

Ông H là ông ngoại của bà Vòng Bích N2. Trước khi kết hôn gia đình chồng là ông T có tặng cho cháu gái ông tài sản là quyền sử dụng đất thửa 585 tờ 46 tại

xã S huyện T, trên cơ sở giấy chứng nhận đã cấp cho cháu gái ông 09/3/2016. Sau khi thống nhất việc tặng, ông H mới mở tài khoản để ông T bên Đài Loan gửi tiền vào tài khoản của ông H. Thực tế ông có nhận số tiền do ông Lin M Tao chuyển về 88.156 USD, đó là số tiền mà bên ông T tặng cho cháu, nên ông đã đưa cho bà N2 đầu tư nhà đất đang tranh chấp. Ông Lin Ming T cho rằng cháu ông là người ông nhờ đứng tên dùm là hoàn toàn không đúng sự thật.

** Tại biên bản lấy lời khai ghi ngày 16/11/2021 của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Lạc N1 trình bày:*

Bà gọi ông T là ông. Ngày 07/12/2021 phía nguyên đơn ông T yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với tài sản đang tranh chấp. Bà N1 tự nguyện thực hiện biện pháp bảo đảm thay ông T, gửi tài sản bảo đảm 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) vào tài khoản phong tỏa tại Ngân hàng thương mại cổ phần S - Chi nhánh Đ nhằm thực hiện biện pháp bảo đảm để áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, đây là sự tự nguyện của bà không bị ai ép buộc. Bà xin vắng mặt trong các buổi công khai chứng cứ, hòa giải cũng như xét xử các phiên tòa.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2023/DS-ST ngày 17 tháng 3 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông L1 Ming Tao đối với bị đơn bà Vòng Bích N2 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản”

Buộc bà Vòng Bích N2 phải trả lại cho ông L1 Ming Tao số tiền là 3.020.493.620 đồng (Ba tỷ, không trăm hai mươi triệu, bốn trăm chín mươi ba nghìn, sáu trăm hai mươi đồng).

Bà Vòng Bích N2 được quyền sử dụng căn nhà và diện tích 588m² tại tờ bản đồ số 46 thửa đất số 585 thuộc xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Vòng Bích N2. Buộc ông Lin Ming T phải trả lại cho bà V Bích Ngọc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD287700 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 09/03/2016.

Tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 44/2021/QĐ-BPKCTT ngày 16/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai để đảm bảo việc thi hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, bị đơn bà Vòng Bích N2 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Bà N2 thừa nhận tiền của bố chồng là ông Lin Ming T gửi về Việt Nam tổng cộng số tiền khoảng 90.000 USD, bà N2 đã sử dụng số tiền này để mua nhà đất đang tranh chấp. Trong các lần gửi tiền về cho bà N2, ông T đều ghi rõ nội dung: gửi tiền để đầu tư mua đất. Tại văn bản thỏa thuận ngày 25/3/2021 có thể hiện nội dung bà N2 là người mua đất giúp ông T. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp kháng cáo của bà N2, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Bà Vòng Bích N thừa nhận dùng tiền của ông Lin Ming T gửi về Việt Nam, việc chuyển tiền được thực hiện thông qua số tài khoản của ông ngoại của bà N là ông Trần Anh H và sau đó ông H đưa lại cho Bà N tổng cộng số tiền khoảng 90.000 USD để mua nhà đất đang tranh chấp. Bà N cũng thừa nhận chữ ký và chữ viết tại văn bản thỏa thuận ngày 25/3/2021 là của bà N. Do đó Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T đòi lại tài sản là có cơ sở. Nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp kháng cáo của bà N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định.

*** Về tố tụng:**

[1]. Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Vòng Bích N2 là trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

*** Về nội dung:**

[2]. Căn cứ vào nội dung các lần ông Lin M Tao chuyển tiền từ Đài Loan (Trung Quốc) về Việt Nam cho con dâu là bà Vòng Bích N đều thể hiện nội dung: đầu tư mua nhà đất; bà N cũng thừa nhận có nhận số tiền 90.000 USD của ông T gửi sang Việt Nam, bà N đã dùng số tiền để mua nhà đất tại tờ bản đồ số 46 thửa đất số 585 thuộc xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Tại Văn bản thỏa thuận ngày 25/3/2021 có chữ ký của của bà N cũng thể hiện nội dung, nhà đất trên là của ông T gửi tiền cho bà N mua để đầu tư.

[3]. Bà N cho rằng, ông T gửi tiền sang Việt Nam mua nhà đất nêu trên là để làm quà cưới tặng cho con dâu là bà N; Văn bản thỏa thuận ngày 25/3/2021, bà N có ký vào nhưng bị ép buộc. Nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh.

[4]. Từ những căn cứ nêu trên Tòa án sơ thẩm xác định nguồn gốc nhà đất nêu trên là do ông T gửi tiền sang Việt Nam nhờ bà N mua giúp là có căn cứ, từ đó chia cho bà N $\frac{1}{2}$ giá trị tăng lên của nhà đất tương ứng 909.999.380 đồng đã là

rất đảm bảo quyền lợi cho bà N. Do đó kháng cáo của bà Vòng Bích N không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp kháng cáo của bà N, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[6]. Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Vòng Bích N2 phải chịu.

[7]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo kháng nghị.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Vòng Bích N2.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2023/DS-ST ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Áp dụng Điều 5 và 169 Luật Đất đai năm 2013; các Điều 7, 8, 159 và 160 Luật Nhà ở năm 2014; Điều 131, Điều 166, Điều 224, Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông L1 Ming Tao đối với bị đơn bà Vòng Bích N2 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

Buộc bà Vòng Bích N2 phải trả lại cho ông L1 Ming Tao số tiền là 3.020.493.620 đồng (Ba tỷ, không trăm hai mươi triệu, bốn trăm chín mươi ba nghìn, sáu trăm hai mươi đồng).

Bà Vòng Bích N2 được quyền sử dụng căn nhà và diện tích 588m² tại tờ bản đồ số 46 thửa đất số 585 thuộc xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD287700 ngày 09/03/2016.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Vòng Bích N2. Buộc ông Lin Ming T phải trả lại cho bà V Bích Ngọc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD287700 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 09/03/2016.

Tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 44/2021/QĐ-BPKCTT ngày 16/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai để đảm bảo việc thi hành án.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Vòng Bích N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0000757 ngày 06 tháng 4 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai (1);
- ĐS (8);
- Lưu VP(3), HS(2).20b.NHT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Khương